

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý, vận hành khai thác và bảo trì
công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14. tháng 04 năm 2022.

2. Quyết định số 214/QĐ-UB ngày 10 tháng 3 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý, sửa chữa các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Phước Thành

QUY ĐỊNH

Quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

b) Quy định này không điều chỉnh nội dung về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ đối với đường giao thông nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Giao thông vận tải.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 2. Trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với:

a) Hệ thống đường huyện.

b) Hệ thống đường đô thị.

c) Các tuyến đường khác nằm trong phạm vi địa giới hành chính của huyện, thị xã, thành phố được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

3. Đối với đoạn đường, tuyến đường thuộc hệ thống đường tỉnh đi qua khu vực nội thị, nội thành mà trùng với đường đô thị của địa phương.

a) Sở Giao thông vận tải quản lý, vận hành khai thác và bảo trì phạm vi mặt đường.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì phạm vi từ mép bó vỉa hoặc mép mặt đường trở ra (kể cả dải phân cách giữa, đảo giao thông, hệ thống chiếu sáng, tấm lưới chắn rác của hệ thống thoát nước mặt đường).

Điều 3. Đặt số hiệu đường huyện

1. Số hiệu đường huyện gồm chữ viết tắt hệ thống đường huyện và mã số đường huyện, cách nhau bằng dấu chấm như sau: ĐH.x. Trong đó:

a) ĐH là chữ viết tắt hệ thống đường huyện.

b) x là mã số đường huyện để đặt số hiệu đường huyện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Mã số đường huyện để đặt số hiệu đường huyện đối với từng huyện, thị xã, thành phố là số tự nhiên có 02 (hai) chữ số, như sau:

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số đường huyện
1	Huyện Chư Păh	Từ 01 đến 05
2	Thành phố Pleiku	Từ 06 đến 10
3	Huyện Đak Đoa	Từ 11 đến 15
4	Huyện Mang Yang	Từ 16 đến 20
5	Huyện Ia Grai	Từ 21 đến 25
6	Huyện Đức Cơ	Từ 26 đến 30
7	Huyện Chư Prông	Từ 31 đến 35
8	Huyện Chư Sê	Từ 36 đến 40
9	Huyện Chư Pưh	Từ 41 đến 45
10	Huyện Phú Thiện	Từ 46 đến 50
11	Thị xã Ayun Pa	Từ 51 đến 55
12	Huyện Krông Pa	Từ 56 đến 60

13	Huyện Ia Pa	Từ 61 đến 65
14	Huyện Kông Chro	Từ 66 đến 70
15	Huyện Đak Pơ	Từ 71 đến 75
16	Thị xã An Khê	Từ 76 đến 80
17	Huyện Kbang	Từ 81 đến 85

3. Trường hợp đặt một số hiệu cho nhiều đường huyện trong cùng một huyện, thị xã, thành phố thì kèm thêm một chữ cái lần lượt từ B đến Z sau mã số đường huyện, trừ đường huyện đầu tiên đặt số hiệu đó.

4. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định số hiệu đường huyện; gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt số hiệu.

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ hoặc phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đã sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với các công trình đã đưa vào khai thác

1. Thẩm quyền phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ hoặc phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đã sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với các công trình đường bộ từ cấp II trở lên đã đưa vào khai thác quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ như sau:

a) Sở Giao thông vận tải phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ hoặc phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đã sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 2 Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ hoặc phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đã sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với trường hợp quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 Quy định này.

2. Cấp công trình đường bộ xác định theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Điều 5. Lập, trình, phê duyệt và thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trước ngày 30 tháng 5 hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và

quy trình bảo trì công trình đường bộ, định mức kinh tế - kỹ thuật, Sở Giao thông vận tải, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng ngân sách nhà nước cho năm sau, như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở: Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 2 Quy định này.

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với trường hợp quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 Quy định này.

2. Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Trách nhiệm lập, trình; thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Trên cơ sở kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì; quy trình bảo trì công trình đường bộ được phê duyệt, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với công trình đường bộ thuộc trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và bảo trì quy định tại Điều 2 Quy định này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước được giao, Sở Giao thông vận tải phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách nhà nước để quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ đảm bảo hiệu quả, an toàn giao thông.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, đảm bảo giao thông thông suốt; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ.

3. Kiểm tra, thanh tra đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ, công tác đảm bảo giao

thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc trách nhiệm quản lý.

4. Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phòng chống thiên tai, khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai gây ra trên các tuyến đường thuộc trách nhiệm quản lý; phối hợp, tổ chức ứng cứu các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh.

Đối với hệ thống đường tỉnh, trường hợp sửa chữa các tuyến đường bị hư hỏng nặng do thiên tai gây ra mà vượt quá khả năng kinh phí dành cho công tác bảo dưỡng thường xuyên, Sở Giao thông vận tải lập dự toán kinh phí khắc phục thiệt hại gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định pháp luật.

5. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo quy định pháp luật.

6. Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo quy định pháp luật, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác có liên quan

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ theo quy định pháp luật.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp tuyên truyền việc thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc trách nhiệm quản lý.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ trên các tuyến đường thuộc trách nhiệm quản lý.

3. Hàng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai gây ra trên các tuyến đường thuộc trách nhiệm quản lý; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn; huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ của các tổ chức, đơn vị quản lý, sửa chữa đường bộ; công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc trách nhiệm quản lý.

5. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo quy định pháp luật. Hàng năm gửi báo cáo công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giao thông vận tải).

Điều 9. Trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ đang khai thác

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

2. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, xử lý của cấp có thẩm quyền trong việc thực hiện Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan..

Điều 10. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đường bộ thuộc hệ thống đường chuyên dùng

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều 5 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

2. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, xử lý của cấp có thẩm quyền trong việc thực hiện Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản mới.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, các cơ quan, đơn vị, phản ánh khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giao thông vận tải)./. 